VISIT…

LANZAROTE Caliente.COM

FINANCIAL STATEMENTS The elements of managerial finance Key topics covered in this chapter • Balance sheets • Income statements • Cash flow statements • Financial leverage • The financial structure of the firm	CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH Các yếu tố tài chính dành cho nhà quản lý Nội dung chính • Bảng cân đối kế tóan • Báo cáo thu nhập • Báo cáo lưu chuyển tiền tệ • Đòn bẩy tài chính • Cơ cấu tài chính của doanh nghiệp
What does your company own, and what does it owe to others? What are its sources of revenues, and how has it spent its money? How much profit has it made? What is the state of your company's financial health? This chapter will help you answer those questions by explaining the three essential statements: the balance sheet, the income statement, and the cash flow statement. The chapter will also help you understand some of the managerial issues implicit in these statements and broaden your financial know-how through discussion of two important concepts: financial leverage, and the financial structure of the firm.	Công ty của bạn đang sở hữu và mắc nợ những gì? Nguồn thu nhập của công ty từ đâu mà có, và công ty đã sử dụng tiền như thế nào? Thu được bao nhiêu lợi nhuận? Tình hình tài chính của công ty ra sao? Chương này sẽ giúp bạn trả lời những câu hỏi vừa nêu bằng cách giải thích ba lọai báo cáo tài chính quan trọng: bảng cân đối kế tóan, báo cáo thu nhập và báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Ngòai ra chương này còn giúp bạn hiểu thêm về một số vấn đề quản lý ẩn sau những lọai báo cáo này, đồng thời giúp bạn mở rộng kiến thức tài chính thông qua việc thảo luận hai khái niệm quan trọng: đòn bẩy tài chính và cơ cấu tài chính của một công ty
WHY FINANCIAL STATEMENTS? Financial statements are the essential documents of business. Executives use them to assess performance and identify areas in which managerial intervention is required. Shareholders use them to keep tabs of how well their capital is being managed. Outside investors use them to identify opportunities. And lenders and suppliers routinely examine financial statements to determine the creditworthiness of the companies with which they deal	TẦM QUAN TRỌNG CỦA BÁO CÁO TÀI CHÍNH Báo cáo tài chính là các chứng từ cần thiết trong kinh doanh. Các nhà quản lý sử dụng chúng để đánh giá năng lực thực hiện và xác định các lĩnh vực cần thiết phải được can thiệp. Các cổ đông sử dụng chúng để theo dõi tình hình vốn đầu tư của mình đang được quản lý như thế nào. Các nhà đầu tư bên ngòai dùng chúng để xác định cơ hội đầu tư. Còn người cho vay và nhà cung ứng lại thường xuyên kiểm tra báo cáo tài chính để xác định khả năng thanh tóan của những công ty mà họ đang giao dịch
Publicly traded companies are required by the Securities and Exchange Commission	Báo cáo tài chính – gồm bảng cân đối kế tóan, báo cáo thu nhập và báo cáo lưu

(SEC) to produce financial statements and make them available to everyone as part of the full-disclosure requirement the SEC places on publicly owned and traded companies. Companies not publicly traded are under no such requirement, but their private owners and bankers expect financial statements nevertheless Financial statements follow the same general format from company to company. And though specific line items may vary with the nature of a company's business, the statements are usually similar enough to allow you to compare one business's performance against another's	chuyển tiền tệ - của các công ty đều theo mẫu chung thống nhất. Mặc dù một số hạng mục có thể khác nhau tùy theo đặc điểm kinh doanh của mỗi công ty, nhưng các báo cáo tài chính luôn giống nhau về cơ bản, cho phép bạn so sánh việc kinh doanh của ông ty này với công ty khác.
THE BALANCE SHEET Most people go to a doctor once a year to get a checkup – a snapshot of their physical well-being at a particular time. Similarly, companies prepare balance sheets as a way of summarizing their financial positions at a given point in time, usually at the end of the month, the quarter, or the fiscal year In effect, the balance sheet describes the assets controlled by the business and how those assets are financed – with the funds of creditors (liabilities), with the capital of the owners, or with both. A balance sheet reflects the following basic accounting equation: Assets = Liabilities + Owners' Equity *Assets* in this equation are the things in which a company invests so that it can conduct business. Examples include cash and financial instruments, inventories of raw materials and finished goods, land, buildings, and equipment. Assets also include moneys owned to the company by customers and others – an asset category referred to as *accounts receivable*	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TÓAN Hầu hết mọi người mỗi năm đều đến bác sĩ để kiểm tra sức khỏe tổng quát – một cuộc kiểm tra tình trạng thể chất tại một thời điểm nhất định. Tương tự như vậy, bảng cân đối kế tóan là một cách tổng hợp tình hình tài chính của các công ty tại một thời điểm nhất định nào đó, thường là cuối tháng, cuối quý hoặc cuối năm tài chính Trên thực tế, bảng cân đối kế tóan thể hiện những tài sản do công ty quản lý và việc cấp vốn cho những tài sản này – bằng vốn của những người cho vay (nợ phải trả), vốn góp từ các chủ sở hữu, hoặc từ cả hai nguồn. Bảng cân đối kế tóan được phản ánh theo phương trình kế tóan sau: Tài sản = Nợ phải trả + Vốn chủ sở hữu *Tài sản* trong phương trình kế tóan này là những thứ mà công ty đầu tư vào để thực hiện việc kinh doanh, chẳng hạn như tiền mặt, nguyên vật liệu tồn kho, đất đai, nhà xưởng và trang thiết bị. Ngòai ra, tài sản còn bao gồm tiền nợ từ các khách hàng và công ty khác, đây là loại tài sản được gọi là khỏan phải thu

Now look at the other side of the equation, starting with liabilities. To acquire its necessary assets, a company often borrows money or promises to pay suppliers for various goods and services. Moneys owned to creditors are called *liabilities*. For example, a computer company may acquire $1 million worth of motherboards from an electronic parts supplier, with payment due in thirty days. In doing so, the computer, company increases its inventory assets by $1 million and its liabilities – in the form of *accounts payable* – by an equal amount. The equation stays in balance. Likewise, if the same company were to borrow $100,000 from a bank, the cash infusion would increase its assets by $100,000 and its liabilities by the same amount	Vế còn lại của phương trình này bắt đầu bằng nợ phải trả. Để có được những tài sản cần thiết, một công ty thường phải vay tiền hoặc hứa thanh tóan cho các nhà cung ứng nhiều mặt hàng và dịch vụ khác nhau. Nợ phát sinh do công ty vay hoặc mua chịu tài sản được gọi chung là *nợ phải trả*. Ví dụ, một công ty kinh doanh máy tính có thể đặt mua bo mạch chủ với trị giá đơn hàng là 1 triệu USD từ một công ty cung ứng linh kiện điện tử với thời hạn thanh tóan trong 30 ngày. Làm như vậy, công ty máy tính sẽ tăng tài sản hàng tồn kho lên 1 triệu USD và nợ dưới hình thức *khỏan phải trả* với con số tương đương. Lúc này hai vế phương trình bằng nhau. Tương tự, nếu công ty này buộc phải vay ngân hàng 100.000 USD, thì tài sản có và nợ phải trả sẽ tăng lên với con số tương đương 100.000 USD
Owners' equity, also known as shareholders' or stockholders' equity, is what is left over after total liabilities are deducted from total assets. Thus, a company that has $3 million in total assets and $2 million in liabilities would have owners' equity of $1 million	*Vốn chủ sở hữu* là vốn đầu tư của chủ sở hữu, là phần tài sản còn lại sau khi lấy tổng tài sản trừ đi các khoản nợ phải trả. Như vậy, một công ty có tổng giá trị tài sản là 3 triệu USD và tổng nợ phải trả là 2 triệu USD, thì vốn của chủ sở hữu sẽ là 1 triệu USD
Assets – Liabilities = Owners' Equity $3,000,000 - $2,000,000 = $1,000,000	Tài sản – Nợ phải trả = Vốn chủ sở hữu 3.000.000 USD – 2.000.000 USD = 1.000.000 USD
If $500,000 of this same company's uninsured assets burned up in fire, its liabilities would remain the same, but its owners' equity – what's left after all claims against assets are satisfied – would be reduced to $500,000:	Nếu số tài sản không được bảo hiểm trị giá 500.000 USD của công ty này bị cháy rụi trong một cuộc hỏa họan, nợ phải trả vẫn giữ nguyên, nhưng vốn chủ sở hữu sẽ bị giảm đi 500.000 USD
Assets – Liabilities = Owners' Equity $2,500,000 - $2,000,000 = $500,000	Tài sản có – Nợ phải trả = Vốn chủ sở hữu 2.500.000 USD – 2.000.000 USD = 500.000 USD
Thus, the balance sheet "balances" a company's assets and liabilities. Notice, for instance, how total assets equal total	Như vậy, bảng cân đối kế tóan "cân bằng" tài sản và nợ phải trả của một công ty. Ví dụ, hãy xem tổng tài sản bằng tổng nợ phải

liabilities and owners' equity in the balance sheet of Amalgamated Hat Rack, a company whose finances we will consider in many chapters of this book (table 1-1). The balance sheet also describes how much the company has invested in assets, and where the money is invested. Further, the balance sheet indicates how much of those monetary investments in assets comes from creditors (liabilities) and how much comes from owners (equity). Analysis of the balance sheet can give you an idea of how efficiently a company is utilizing its assets and how well it is managing its liabilities.	trả cộng vốn chủ sở hữu trong bảng cân đối kế tóan của công ty sản xuất móc treo áo Amalgamated (bảng 1-1). Bảng cân đối kế tóan cũng nêu số vốn công ty đầu tư vào tài sản, cũng như các khỏan tiền được đầu tư vào đâu. Ngòai ra, bảng cân đối kế tóan còn cho biết số tiền đầu tư vào tài sản từ chủ nợ (nợ phải trả), và số tiền từ các chủ sở hữu (vốn chủ sở hữu). Phân tích bảng cân đối kế tóan giúp bạn có khái niệm về tính hiệu quả của một công ty trong quá trình sử dụng tài sản và khả năng quản lý nợ phải trả của họ.

Table 1-1 Amalgamated Hat Rack Balance Sheet as of December 31, 2002

	2002	2001	Increase (Decrease)
Assets			
Cash and marketable securities	$355,000	$430,000	$(75,000)
Accounts receivable	$555,000	$512,000	$43,000
Inventory	$835,000	$755,000	$80,000
Prepaid expenses	$123,000	$98,000	$25,000
Total current assets	$1,868,000	1,795,000	$73,000
Gross property, plant, and equipment	$,2,100,000	$1,900,000	$200,000
Less: accumulated depreciation	$333,000	$234,000	$(99,000)
Net property, plant, and equipment	$1,757,000	$1,666,000	$101,000
Total assets	$3,635,000	$3,461,000	$174,000
Liabilities and Owner's Equity			
Accounts payable	$,450,000	$430,000	$20,000
Accrued expenses	$98,000	$77,000	21,000
Income tax payable	$17,000	$9,000	$8,000
Short-term debt	$435,000	$500,000	$(65,000)
Total current liabilities	$1,000,000	$1,016,000	$(16,000)
Long-term debt	$750,000	$660,000	$90,000
Total liabilities	$1,750,000	$1,676,000	$74,000
Contributed capital	$900,000	$850,000	$50,000
Retained earnings	$985,000	$935,000	$50,000
Total owner's equity	$1,885,000	$1,785,000	$100,000
Total liabilities and owner's equity	$3,635,000	$3,461,000	$174,000

Balance sheet data is most helpful when compared with the same information from one or more previous years. Consider the	Dữ liệu trong bảng cân đối kế tóan rất hữu ích khi công ty bạn muốn so sánh với thông tin của các năm trước. Hãy xem bảng cân

balance sheet of Amalgamated Hat Rack. First, this statement represents the company's financial position at a moment in time: December 31, 2002. A comparison of the figures for 2001 against those for 2002 shows that Amalgamated is moving in a positive direction: It has increased its owners' equity by nearly $100,000. **Assets** You should understand some details about this particular financial statement. The balance sheet begins by listing the assets most easily converted to cash: cash on hand and marketable securities, receivables, and inventory. These are called *current assets*. Generally, current assets are those that can be converted into cash within one year. Next, the balance sheet tallies other assets that are tougher to convert to cash – for example, buildings and equipment. These are called plant assets or, more commonly, *fixed assets* (because it is hard to change them into cash) Since most fixed assets, except land, depreciate – or become less valuable – over time, the company must reduce the stated value of these fixed assets by something called accumulated depreciation. Gross property, plant, and equipment minus accumulated depreciation equals the current book value of property, plant, and equipment. Some companies list *goodwill* among their assets. If a company has purchased another company for a price above the fair market value of its assets, that so-called goodwill is recorded as an asset. This is, however, strictly an accounting fiction. Goodwill may also represent intangible things such as brand names or the acquired company's excellent reputation. These may have real	đối kế tóan của Công ty Amalgamated. Đầu tiên, bảng cân đối này trình bày tình hình tài chính của công ty trong khỏang thời gian xác định: 31-12-2002. So sánh với số liệu của năm 2001 cho thấy Amalgamated đang phát triển theo hướng tích cực: tăng vốn chủ sở hữu lên gần 100.000 USD **Tài sản** Bạn nên hiểu một số chi tiết về lọai báo cáo tài chính đặc biệt này. Bảng cân đối kế tóan bắt đầu bằng cách liệt kê tòan bộ tài sản dễ chuyển thành tiền nhất: tiền mặt và trái khóan bán được, các khỏan phải thu và hàng tồn kho. Tất cả những khỏan này được gọi là *tài sản lưu động*. Thông thường, tài sản lưu động là những tài sản có thể chuyển thành tiền trong vòng một năm Kế đến, bảng cân đối kế tóan kiểm kê các tài sản khác khó chuyển thành tiền hơn – ví dụ như cơ sở hạ tầng và trang thiết bị. Những tài sản này được gọi là *tài sản cố định* Vì hầu hết tài sản cố định, ngọai trừ đất đai, đều khấu hao (tức là bị sụt giảm giá trị) theo thời gian, nên công ty phải giảm giá trị đã định của những tài sản này bằng khấu hao lũy kế. Tổng giá trị bất động sản, nhà máy và trang thiết bị trừ đi giá trị khấu hao lũy kế bằng giá trị hiện tại về bất động sản, nhà máy và trang thiết bị. Một số công ty đưa *lợi thế kinh doanh* vào bảng cân đối kế tóan như một phần tài sản công ty. Lợi thế kinh doanh là giá trị của danh tiếng tốt, uy tín và lượng khách hàng có sẵn. Lợi thế kinh doanh được thể hiện là tài sản cố định khi một công ty mua lại một công ty khác với giá cao hơn giá trị tài sản của công ty được mua theo giá thị trường. Lợi thế kinh doanh cũng như bằng sáng

value. So too can other intangible assets, such as patents.	chế, thương hiệu công ty...là những tài sản vô hình. Cũng giống như tài sản cố định, khi được đánh giá, chúng phải được tính khấu hao theo vòng đời kinh tế hữu dụng của chúng
Finally, we come to the last line of the balance sheet, total assets. Total assets represents the sum of both current and fixed assets.	Cuối cùng, chúng ta hãy xem dòng cuối của bảng cân đối kế tóan. Đó chính là tổng tài sản. Tổng tài sản là tòan bộ tài sản lưu động và tài sản cố định của một công ty
Liabilities and Owners' Equity Now let's consider the claims against those assets, beginning with a category called *current liabilities*. Current liabilities represent the claims of creditors and others that typically must be paid within a year; they include short-term IOUs, accrued salaries, accrued income taxes, and accounts payable. This year's repayment obligation on a long-term loan is also listed under current liabilities	**Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu** Bây giờ, chúng ta hãy xem xét một lọai tài sản được gọi là *nợ ngắn hạn*. Nợ ngắn hạn là khỏan tiền phải thanh tóan trong thời hạn một năm, gồm có giấy nợ ngắn hạn, tiền lương tích lũy, thuế thu nhập tích lũy. Và các khỏan phải trả. Nghĩa vụ hòan trả nợ trên cơ sở vốn vay dài hạn của năm nay cũng được liệt kê trong mục nợ ngắn hạn
Subtracting current liabilities from current assets gives you the company's net working capital. *Net working capital* is the amount of money the company has tie up in its current (i.e., short-term) operating activities. Just how much is adequate for the company depends on the industry and the company's plans. In its most recent balance sheet, Amalgamated had $868,000 in net working capital.	Lấy tài sản lưu động trừ đi nợ ngắn hạn ta được vốn lưu động ròng của công ty. *Vốn lưu động ròng* là khỏan tiền công ty giữ lại cho các họat động ngắn hạn. Khỏan tiền giữ lại phụ thuộc vào từng lĩnh vực kinh doanh và kế họach họat động của mỗi công ty
Long-term liabilities are typically bonds and mortgages – debts that the company is contractually obliged to repay, with respect to both interest and principal.	Tiêu biểu cho nợ dài hạn là trái phiếu và tài sản thế chấp – các khỏan nợ mà công ty có nghĩa vụ phải hòan trả theo hợp đồng cả vốn lẫn lãi
According to the aforementioned accounting equation, total assets must equal total liabilities plus owners' equity. Thus, subtracting total liabilities from total assets, the balance sheet arrives at a figure for the owners' equity. Owners' equity comprises *retained earnings* (net profits	Theo phương trình kế tóan nêu trên, tổng tài sản bằng tổng nợ phải trả cộng với vốn chủ sở hữu. Như vậy, lấy tổng tài sản trừ đi tổng nợ phải trả, bảng cân đối kế tóan sẽ có được con số thể hiện vốn chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu gồm *lợi nhuận giữ lại* (lợi nhuận ròng tích lũy trong bảng cân đối kế

that accumulate on a company's balance sheet after any dividends are paid) and contributed capital (capital received in exchange for shares)	tóan của công ty sau khi đã chia cổ tức) và vốn góp (vốn nhận được bằng cách trao đổi cổ phiếu)
Historical values The values represented in many balance sheet categories may not correspond to their actual market values. Except for items such as cash, accounts receivable, and accounts payable, the measurement of each classification will rarely be equal to the actual current value shown. This is because accountants must record most items at their historic cost. If, for example, XYZ's balance sheet indicated land worth $700,000, that figure would represent what XYZ paid for the land way back when. If the land was purchased in downtown San Francisco in 1960, you can bet that it is now worth immensely more than the value stated on the balance sheet. So why do accountants use historic instead of market values? The short answer is that it represents the lesser of two evils. If market values were required, then every public company would be required to get a professional appraisal of every one of it properties, warehouse inventories, and so forth – and would have to do so every year. And how many people would trust those appraisals? So we're stuck with historic values on the balance sheet.	**Giá trị gốc** Các giá trị nêu trong nhiều mục của bảng cân đối kế tóan có thể không tương ứng với các giá trị của chúng trên thị trường thực tế. Ngọai trừ các mục như tiền, khỏan phải thu, và các khỏan phải trả, cách tính mỗi hạng mục hiếm khi bằng giá trị hiện tại thực tế được nêu. Đó là vì các kế tóan viên phải ghi nhận hầu hết các mục với chi phí gốc. Ví dụ, nếu bảng cân đối kế tóan của công ty XYZ ghi giá trị mảnh đất là 700.000 USD, con số này thể hiện số tiền mà công ty XYZ đã trả để mua mảnh đất này trước kia. Nếu mảnh đất này đã được mua ở khu vực trung tâm San Francisco năm 1960, bạn có thể đặt cược rằng giá trị hiện nay của nó sẽ vượt xa giá trị nêu trong bảng cân đối kế tóan. Vậy tại sao bảng cân đối lại thể hiện giá trị gốc thay vì giá trị thị trường? Vì giá trị gốc tượng trưng cho điều ít tệ hại hơn. Nếu ghi giá thị trường, thì mỗi công ty tham gia sàn giao dịch sẽ được yêu cầu thực hiện thẩm định chuyên nghiệp giá mỗi tài sản, tồn kho...và hàng năm đều phải làm như vậy. Và có bao nhiêu người sẽ tin tưởng vào những kết quả thẩm định này? Do vậy, buộc phải nêu các giá trị gốc trong bảng cân đối kế tóan
Managerial issues Though the balance sheet is prepared by accountants, it represents a cumber of important issues for managers	**Các vấn đề quản lý** Mặc dù các bảng cân đối kế tóan được nhân viên kế tóan lập ra, nhưng nó cũng thể hiện một số vấn đề quan trọng đối với nhà quản lý
Working capital. Financial managers give substantial attention to the level of working capital, which naturally expands and contracts with sales activities. Too little working capital can put a company in a bad position: The company may be unable to	**Vốn lưu động**. Các nhà quản lý tài chính rất quan tâm đến mức vốn lưu động vì về bản chất chúng sẽ tăng lên và liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty. Vốn lưu động quá ít sẽ đặt công ty bạn vào vị trí bất lợi: Công ty không có khả năng thanh tóan

pay its bills or to take advantage of profitable opportunities. Too much working capital, on the other hand, reduces profitability since that capital has a carrying cost – it must be financed in some way, usually through interest-bearing loans Inventory is one component of working capital that directly affects many non-financial managers. Like working capital in general, there's a tension between having too much and too little inventory. Having lots of inventory on hand solves many business problems: The company can fill customer orders without delays, and a robust inventory provides a buffer against potential production stoppages and strikes. The flip side of plentiful inventory is financing cost and the risk of a deterioration in the market value of the inventory itself. Every excess widget in the stockroom adds to the company's financing costs, which reduces profits. And every items that sits on the shelf may become obsolete or less salable at time goes by – again, with a negative impact on profitability The personal computer business provides a clear example of how excess inventory can wreck the bottom line. Some analysts estimate that the value of finished-goods inventory melts away at a rate of approximately 2 percent *per day*, because of technical obsolescence in this fast-moving industry. Inventory meltdown really hammered Apple during the mid-1990s, before it dramatically reduced its inventories through operational redesign. Apple had exceptional products and hard-core fans, but finished 1996 with almost $700 million tied up in inventory. Bulging inventories wreaked havoc on Apple's bottom line, as obsolete components and finished goods had to be dumped onto the market at huge discounts. By comparison,	các hóa đơn hoặc tận dụng các cơ hội tăng lợi nhuận. Mặt khác, có quá nhiều vốn lưu động sẽ làm giảm khả năng sinh lợi vì bản thân số vốn đó còn có chi phí vốn – nhất thiết nó phải được cấp vốn dưới hình thức nào đó, thường là các khỏan vay chịu lãi Tồn kho là một phần của vốn lưu động. Cũng giống như vốn lưu động nói chung, lượng tồn kho phải được cân bằng giữa hai thái cực quá nhiều hoặc quá ít. Lượng tồn kho nhiều sẽ giúp giải quyết được nhiều vấn đề của doanh nghiệp như: hòan thành các đơn đặt hàng nhanh chóng, tạo ưu thế chống lại tình trạng ngừng sản xuất và khả năng xảy ra đình công. Tuy nhiên, lượng tồn kho nhiều cũng ảnh hưởng đến chi phí tài chính và tạo rủi ro phá giá thị trường của bản thân hàng tồn kho đó. Mỗi sản phẩm dư tồn trong kho sẽ tính vào chi phí tài chính của công ty, làm giảm lợi nhuận. Và mỗi sản phẩm còn nằm trong kho có nguy cơ trở nên lỗi thời hay khó tiêu thụ hơn theo thời gian. Điều này một lần nữa lại ảnh hưởng xấu đến lợi nhuận. Công ty kinh doanh máy tính cá nhân là một ví dụ điển hình về lượng tồn kho gia tăng có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi nhuận. Một số chuyên viên phân tích ước tính rằng giá trị của hàng tồn kho thành phẩm sẽ giảm đi với tỷ lệ khỏang 2% mỗi ngày do sự lạc hậu kỹ thuật trong thời đại công nghiệp phát triển như vũ bão này

its rival, Dell, operated with no finished-goods inventory and with negligible stocks of components. Dell's success formula was an ultrafast supply-chain/assembly system that quickly assembled PCs to customer specifications as those orders were received. Nothing was build until the company had a specified customer order in hand. Finished Dell PCs didn't end up on stockroom shelves for weeks at a time, but went directly from the assembly line into waiting delivery trucks. The profit lesson to managers is very clear: Shape your operations to minimize or eliminate inventories	
Financial leverage. You have probably heard someone say, "It's a highly leveraged situation". Do you know what "leveraged" means in the financial sense? *Financial leverage* refers to the use of borrowed money in acquiring an asset. We say that a company is highly leveraged when the percentage of debt on its balance sheet is high relative to the capital invested by the owners. For example, suppose that you paid $400,000 for an asset, using $100,000 of your own money and $300,000 in borrowed funds. For simplicity, we'll ignore loan payments, taxes, and any cash flow you might get from the investment. Four years go by, and your asset has appreciated to $500,000. You decide to sell. After paying off the $300,000 loan, you end up with $200,000 in your pocket. (your original $100,000 plus a $100,000 profit). That's a gain of 100 percent on your personal capital, even though the asset increased in value by only 25 percent. Financial leverage made this possible. In contrast, if you had financed the purchase entirely with your own funds ($400,000), then you would have ended up with only a 25 percent gain. (*Operating leverage*, in contrast, refers to the extent to which a company's operating costs are fixed versus	**Đòn bẩy tài chính**. Có lẽ bạn đã từng nghe ai đó nói: "Đây là tình huống có tỷ lệ vay cao". Thuật ngữ "đầu cơ vay nợ" trong tài chính hay còn gọi là đòn bẩy tài chính, đề cập đến việc sử dụng tiền vay được để mua tài sản. Một công ty được xem là có tỷ lệ vay nợ cao khi tỷ lệ phần trăm nợ ghi trên bảng cân đối kế tóan cao so với vốn đầu tư của các chủ sở hữu. Ví dụ, bạn trả 400.000 USD cho một tài sản, trong đó sử dụng 100.000 USD tiền của riêng bạn và 300.000 USD tiền bạn vay được. Để đơn giản hóa vấn đề, chúng ta sẽ bỏ qua việc thanh tóan các khỏan nợ, thuế và bất kỳ dòng tiền nào bạn nhận được từ quỹ đầu tư. Sau bốn năm, giá trị tài sản của công ty bạn tăng lên 500.000. Bạn quyết định bán số tài sản này. Sau khi thanh tóan khỏan nợ 300.000 USD, bạn vẫn còn 200.000 USD trong túi (100.000 USD của bạn và 100.000 USD lợi nhuận). Đó là lợi ích kiếm được 100% trên vốn các nhân của bạn, cho dù tài sản chỉ tăng 25% giá trị. Đòn bẩy tài chính có thể thực hiện được điều này. Trái lại, nếu bạn tự bỏ hòan tòan tiền túi của mình ra mua hàng (400.000 USD), cuối cùng bạn chỉ thu được 25% mà thôi. (Lưu ý: trong khi đòn bẩy tài chính đề cập đến việc đầu cơ vay nợ để mua tài sản nhằm thu được giá trị cao hơn, thì *đòn bẩy*

variable. For example, a company that relies heavily on machinery and very few workers to produce its goods has a high operating leverage)	*hoạt động* đề cập đến mức độ sử dụng chi phí hoạt động cố định của công ty so với biến phí. Ví dụ, một công ty phụ thuộc nhiều vào máy móc và có ít công nhân tham gia sản xuất thường có đòn bẩy hoạt động cao)
Financial leverage creates an opportunity for a company to gain a higher return on the capital invested by its owners. In the United States and most other countries, tax policy makes financial leverage even more attractive by allowing businesses to deduct the interest paid on loans. But leverage can cut both ways. If the value of an asset drops (or fails to produce the anticipated level of revenue), then leverage works against its owner. Consider what would have happened in our example if the asset's value had dropped by $100,000, that is, to $300,000. The owner would have lost his or her entire $100,000 investment after repaying the initial loan of $300,000	Đòn bẩy tài chính tạo cơ hội cho công ty có được tỷ lệ hòan vốn đầu tư của các chủ sở hữu cao hơn. Tuy nhiên, đòn bẩy tai chính cũng là con giao hai lưỡi. Nếu tài sản bị rớt giá (hoặc không thể phát sinh mức doanh thu như đã mong đợi), thì đòn bẩy tài chính làm tổn hại đến người chủ sở hữu. Hãy xem những gì xảy ra trong ví dụ trên nếu tài sản bị rớt giá mất 100.000 USD, nghĩa là còn 300.000 USD. Người chủ sở hữu xem như mất hòan tòan 100.000 USD tiền đầu tư sau khi hòan lại khỏan nợ ban đầu là 300.000 USD
Financial structure of the firm. The negative potential of financial leverage is what keeps CEOs, their financial executives, and board members from maximizing their debt financing. Instead, they seek a financial structure that creates a realistic balance between debt and equity on the balance sheet. Although leverage enhances a company's potential profitability as long as tings go right, managers know that every dollar of debt increases the riskiness of the business – both because of the danger just cited, and because high debt results in high interest payments, which must be paid in good times and bad. Many companies have failed when business reversals on recessions reduced their ability to make timely payments on their loans	**Cơ cấu tài chính**. Khả năng tiêu cực của đòn bẩy tài chính là những gì khiến các giám đốc điều hành, chuyên viên tài chính và thành viên hội đồng quản trị không tăng tối đa khỏan cấp vốn bằng nợ của họ. thay vào đó, họ sẽ tìm kiếm một cơ cấu tài chính tạo ra sự cân bằng thực tế giữa nợ và vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế tóan. Mặc dù đòn bẩy giúp tăng lợi nhuận tiềm năng của ông ty, nhưng các nhà quản lý biết rằng mỗi đồng tiền nợ cũng sẽ tăng rủi ro trong kinh doanh – bởi những nguy cơ vừa nêu, và cũng vì nợ càng nhiều thì mức thanh tóan lãi xuất càng cao, trong khi đó các khỏan lãi xuất đều phải được thanh tóan dù tình hình kinh doanh của công ty tốt hay xấu. Nhiều công ty đã thất bại khi công việc kinh doanh có những biểu hiện suy thóai – điều này làm giảm khả năng thanh tóan khỏan vay đúng hạn.

When creditors and investors examine corporate balance sheets, they look carefully at the debt-to-equity ratio. They factor the riskiness of the balance sheet into the interest they charge on loans and the return they demand from a company's bonds. Thus, a highly leveraged company may have to pay 14 percent on borrowed funds instead of 10 to 12 percent paid by a less leveraged competitor. Investors also demand a higher rate of return for their stock investments in highly leveraged companies. They will not accept high risks without an expectation of commensurately large returns.	Khi chủ nợ và nhà đầu tư kiểm tra các bản cân đối kế tóan của ông ty, họ thường xem xét rất kỹ tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu. Các nhà đầu tư tính hệ số rủi ro trên bảng cân đối kế tóan vào tiền lãi họ đánh trên khỏan vay và lợi nhuận mà họ đòi hỏi từ trái phiếu công ty. Do đó, một công ty được xem là có tỷ lệ vay nợ cao có thể phải trả 14% trên số tiền nợ thay vì 10 – 12% mà một công ty đối thủ có tỷ lệ vay nợ thấp hơn phải trả. Các nhà đầu tư cũng muốn nhận được tỷ lệ lợi nhuận thu về cao hơn từ số tiền mình đã đầu tư vào công ty có tỷ lệ vay nợ cao. Chắc chắn họ sẽ không chấp nhận rủi ro cao nếu không mong đợi sẽ thu được nhiều lợi nhuận
Where are the human assets? As people look to financial statements to gain insights about companies, many are questioning the traditional balance sheet's ability to reflect the value of human capital and profit potential. This is particularly true for knowledge-intensive companies, for which the work-force know-how, intellectual property, brand equity, and customer relationships are the real productive assets. Unfortunately, these intangible assets are not found on the balance sheet	**Giá trị tài sản con người** Khi nhìn vào bảng báo cáo kế tóan để tìm hiểu về một công ty, nhiều người luôn đặt câu hỏi về khả năng phản ánh giá trị vốn con người và tiềm năng lợi nhuận của bảng cân đối kế tóan truyền thống. Điều này đặc biệt đúng đối với các công ty cần nhiều vốn kiến thức: bí quyết sản xuất của lực lượng lao động, tài sản trí tuệ, giá trị thương hiệu, và các mối quan hệ với khách hàng; tất cả đều là tài sản thực sự hữu ích của công ty. Đáng tiếc là những lọai tài sản vô hình này không được nêu rõ trong bảng cân đối kế tóan
The growing inability of balance sheets to reflect real value prompted Federal Reverse Board Chairman Alan Greenspan to complain in January 2000 that accounting failed to track investments in "knowledge assets". Former SEC chairman, Arthur Levitt, echoed Greenspan's concern: "As intangible assets grow in size and scope, more and more people are questioning whether the true value – and the drivers of that value – are being reflected in a timely manner in publicly available disclosure". Indeed, a study by Baruch Lev of New York University found that 40 percent of	Trước tình trạng bảng cân đối kế tóan ngày càng thiếu phù hợp trong việc phản ánh giá trị thực tế, vào tháng 1 năm 2000, ông Alan Greenspan – chủ tịch Ủy ban Dự trữ Liên bang Mỹ, đã lên tiếng than phiền rằng kế tóan không có khả năng theo dõi các khỏan đầu tư về "tài sản tri thức". Cựu chủ tịch SEC, ông Arthur Levitt, đồng ý với nhận định của ông Greenspan: "Vì tài sản vô hình phát triển về kích thước và phạm vi, ngày càng có nhiều người nêu ra câu hỏi liệu các giá trị thực – và động cơ của các giá trị này – có được phản ánh kịp thời trong các bảng báo cáo công khai không".

the market valuation of the average company was missing from its balance sheet". For high-tech firms, the figure was more than 50 percent.	Thực vậy, một nghiên cứu do Baruch Lev của Đại học New York thực hiện đã cho thấy thông qua bảng cân đối kế tóan, tính chính xác trong việc thẩm định giá trị thị trường của một doanh nghiệp trung bình thường bị giảm đi 40%. Đối với các tập đòan công nghệ cao, con số này vượt quá 50%
The implication of these findings for investors and managers is that they must look beyond the bricks and mortar, the equipment, and even the cash, that traditionally constitute balance sheet assets and focus on the undisclosed assets that produce the greatest value for shareholders. In most cases, those assets are the people who create innovations that people are eager to pay for, and who know how to get others to work together productively. The accounting profession is beginning to debate the pros and cons of including these intangible assets in financial statements. Watch for future developments.	Hàm ý của những phát hiện này đối với các nhà đầu tư và các nhà quản lý là họ phải có cái nhìn vượt ra khỏi những tài sản hữu hình như bất động sản, trang thiết bị, và thậm chí cả tiền mặt, vốn là những yếu tố truyền thống cấu thành tài sản trong bảng cân đối kế tóan, và tập trung vào những mục tài sản không công bố tạo ra gía trị lớn nhất đối với cổ đông. Trong hầu hết các trường hợp, những tài sản này là những người tạo ra các mối quan hệ giữa doanh nghiệp và các khách hàng, là những người tạo ra sự đổi mới cho doanh nghiệp, và là những người biết cách thuyết phục các thành viên khác hợp tác làm việc một cách hiệu quả. Nghiệp vụ kế tóan bắt đầu tranh cãi về những thuận lợi và bất lợi của việc thể hiện những lọai tài sản vô hình này trong các báo cáo tài chính. Hãy chờ xem vấn đền này sẽ phát triển đến đâu trong tương lai
THE INCOME STATEMENT The income statement indicates the results of operations over a *specified period*. Those last two words are important. Unlike the balance sheet, which is a snapshot of the enterprise's position *at a point in time*, the income statement indicates cumulative business results within a defined time frame. It tells you if the company is making a profits – that is, whether it has positive or negative net income (net earnings). This is why the income statement is often referred to as the *profit-and-loss statement*, or P&L. It shows a company's profitability at the end of a particular time – typically at the	BÁO CÁO THU NHẬP Báo cáo thu nhập thể hiện các kết quả họat động trong một *khỏang thời gian nhất định*. Cụm từ "khỏang thời gian nhất định" có ý nghĩa quan trọng. Không giống như bảng cân đối kế tóan, vốn là bảng tóm tắt vị trí của doanh nghiệp *tại một thời điểm*, báo cáo thu nhập phản ánh kết quả tích lũy của họat động kinh doanh trong một khung thời gian xác định. Nó cho biết liệu doanh nghiệp đó kiếm được lợi nhuận hay không – nghĩa là liệu thu nhập thuần (lợi nhuận thực tế) dương hay âm. Đó là lý do tại sao báo cáo thu nhập thường được xem là *báo cáo lỗ lãi*. Ngòai ra, nó còn phản ánh khả

end of the month, the quarter, or the company's fiscal year. In addition, the income statement tells you how much money the company spent to make that profit – from which you can determine the company's *profit margin*	năng lợi nhuận của công ty ở cuối một khỏang thời gian cũ thể - thường là cuối tháng, quý hoặc năm tài chính của công ty đó. Đồng thời, nó còn cho biết công ty đó chi tiêu bao nhiêu tiền để sinh lợi – từ đó bạn có thể xác định được *tỷ lệ lợi nhuận trên doanh thu* của công ty đó
As we did with the balance sheet, we can represent the contents of the income statement with a simple equation:	Báo cáo thu nhập được thể hiện bằng một biểu thức đơn giản như sau:
Revenues – Expenses = Net Income (or Net Loss)	Doanh thu – Chi phí = Thu nhập thuần (hoặc lỗ thuần)
An income statement starts with the company's *revenues*: the amount of money that results from selling products or services to customers. A company may have other revenues as well. In many cases, these are from investments or interest income from its cash holdings.	Một báo cáo thu nhập bắt đầu bằng *doanh thu*: số tiền thu được từ việc bán hàng hóa và dịch vụ cho khách hàng. Một công ty cũng có thể có các khỏan doanh thu khác. Trong nhiều trường hợp, những khỏan này đến từ các khỏan đầu tư hoặc thu nhập lãi suất từ số dư tiền mặt.
Various costs and expenses – from the costs of making and storing a company's goods, to depreciation of plant and equipment, to interest expense and taxes – are then deducted from revenues. The bottom line – what's left over – is the *net income*, or net profit or *net earnings*, for the period of the statement	Sau đó, lấy doanh thu này trừ đi những chi phí khác – từ chi phí sản xuất và lưu kho hàng hóa, đến việc khấu hao nhà xưởng và trang thiết bị, chi phí lãi xuất và thuế. Số tiền còn lại là thu nhập thuần, hay còn gọi là *lợi nhuận thuần*, trong thời gian lập báo cáo.
Consider the meaning of various line items on the income statement for Amalgamated Hat Rack (table 1-2). The *cost of good sold* is what it costs Amalgamated to manufacture its hat racks. This figure includes the cost of raw materials, such as lumber, as well as the cost of turning them into finished goods, including direct labor costs. By deducting the cost of goods sold from sales revenue, we get a company's *gross profit* – the roughest estimation of the company's profitability	Hãy xem xét ý nghĩa của các mục khác nhau trên báo cáo thu nhập của Công ty Amalgamated (bảng 1-2). *Giá vốn hàng bán* là những khỏan mà Công ty Amalgamated dùng để sản xuất giá treo. Con số này bao gồm chi phí nguyên liệu thô, như gỗ, cũng như tòan bộ chi phí chế biến thành phẩm, gồm cả chi phí lao động trực tiếp. Lấy doanh thu bán hàng trừ giá vốn hàng bán, ta được *lợi nhuận gộp* – ước tính sơ bộ về khả năng lợi nhuận của công ty đó

Table 1-2 Amalgamated Hat Rack Income Statement for the Fiscal Year Ending December 31, 2002	
Retail Sales	$2,200,000
Corporate Sales	$1,000,000
Total Sales Revenues	$3,200,000
Less: Cost of Goods Sold	$1,600,000
Gross Profit	$1,600,000
Less: Operating Expenses	$800,000
Depreciation Expense	$42,500
Earnings before Interest and Taxes	$757,500
Less: Interest Expense	$110,000
Earnings before Income tax	$647,500
Less: Income Tax	$300,000
Net Income	$347,500

The next major category of cost is *operating expenses*. Operating expenses include administrative employee salaries, rents, sales and marketing costs, as well as other costs of business not directly attributed to the cost of manufacturing a product. The lumber for making hat racks would not be included here; the cost of the advertising and the salaries of Amalgamated employees would	Lọai chi phí quan trọng kế tiếp là *chi phí hoạt động*. Chi phí hoạt động bao gồm lương nhân viên hành chính, tiền thuê, chi phí bán hàng và tiếp thị, và những chi phí kinh doanh khác không trực tiếp quy vào chi phí sản phẩm. Gỗ để sản xuất giá treo không được tính vào đây, mà chỉ bao gồm chi phí quảng cáo và lương nhân viên
Depreciation is counted on the income statement as an expense, even though it involves no out-of-pocket payments. As described earlier, depreciation is a way of estimating the "consumption" of an asset, or the diminishing value of equipment, over time. A computer, for example, loses about a third of its value each year. Thus, the company would not expense the full value of a computer in the first year of its purchase, but as it is actually used over a span of three years. The idea behind depreciation is to lay aside enough money to eventually replace a worn-out asset	Khấu hao được tính trong báo cáo thu nhập như một khỏan chi phí, dù nó không liên quan đến các khỏan thanh tóan tiền mặt. Như đã nêu trên, khấu hao là cách ước tính "mức tiêu thụ" của một tài sản, hoặc việc giảm giá trị trang thiết bị theo thời gian. Ví dụ, một chiếc máy vi tính mất khỏang 1/3 giá trị trong năm đầu sau khi mua. Vì vậy, công ty không thể tiêu tốn tòan bộ giá trị của chiếc máy tính trong năm đầu mà trên thực tế nó được sử dụng trong ba năm. Ý tưởng đằng sau khấu hao này là nhằm nhận ra giá trị bị sụt giảm của một tài sản nào đó
By subtracting operating expenses and depreciation from the gross profit, we get operating earnings. These earnings are	Lấy lợi nhuận gộp trừ chi phí họat động và khấu hao, ta được lợi nhuận hoạt động. Những khỏan lợi nhuận này thường được

often called *earnings before interest and taxes*, or EBIT	gọi là *lợi nhuận trước thuế và lãi vay* (EBIT)
We're now down to the last reduction in the path that revenues follow on their way to the bottom line. Interest expenses is the interest charged on loans a company has taken out. Income tax, tax levies by the government on corporate income, is the final charge	Chúng ta tiếp tục xem những khỏan giảm trừ cuối cùng đối với doanh thu. Chi phí lãi suất là lãi suất phải trả từ các khỏan vay mà một công ty sử dụng. Thuế thu nhập – thuế thu bởi chính phủ trên thu nhập của công ty, là khỏan cuối cùng phải nộp
What revenues are left are referred to as net income, or earnings. If net income is positive – as it is in the case of Amalgamated – we have a profit, what the for-profit company lives for.	Phần doanh thu còn lại được gọi là thu nhập thuần, hoặc lợi nhuận thực tế. Nếu thu nhập thuần có giá trị tương đương như trong trường hợp của Công ty Amalgamated thì công ty sẽ thu được lợi nhuận
Making sense of the income statement As with the balance sheet, our analysis of a company's income statement is greatly aided when presented in a multiperiod format. This allows us to spot trends and turnarounds. Most annual reports make multiperiod data available, often going back five or more years. Amalgamated's income statement in multiperiod form is depicted in table 1-3	**Ý nghĩa của báo cáo thu nhập** Với bảng cân đối kế tóan, phân tích về báo cáo thu nhập của một công ty được hỗ trợ rất nhiều khi thể hiện bằng định dạng đa kỳ. Điều này cho phép chúng ta phát hiện các xu hướng và sự chuyển biến. Hầu hết các báo cáo thường niên thường cung cấp các dữ liệu đa kỳ, trong vòng 5 năm hoặc hơn. Báo cáo thu nhập của Công ty Amalgamated theo định dạng đa kỳ được mô tả trong bảng 1-3
In this multiyear format, we observe that Amalgamated's annual retail sales have grown steadily, while its corporate sales have stagnated and even declined slightly. Operating expenses have stayed about the same, however, even as totals ales have expanded. That's a good sign that management is holding the line on the cost of doing business. The company's interest expense has also declined, perhaps because it had paid off one of its loans. The bottom line, net income, has shown healthy growth	Trong mẫu định dạng nhiều năm này, chúng ta thấy doanh số bán lẻ hàng năm của Amalgamated dần dần tăng, trong khi doanh số bán hàng của công ty vẫn giữ nguyên và thậm chí có xu hướng giảm nhẹ. Tuy nhiên, chi phí hoạt động luôn luôn giữ nguyên ngay cả khi tổng doanh số tăng lên. Đó là dấu hiệu tốt đối với quản lý vì nó giúp duy trì chi phí để hoạt động kinh doanh. Chi phí lãi xuất của công ty cũng giảm đi, có lẽ vì công ty đã thanh tóan một trong các khỏan vay của mình. Hàng cuối cùng là thu nhập thuần thể hiện tình trạng tăng trưởng tốt.

Table 1-3 Amalgamate Hat Rack Multiperiod Income Statement				
	For the period ending December 31			
	2002	2001	2000	1999
Retail Sales	$2,200,000	$2,000,000	$1,720,000	$1,500,000
Corporate Sales	$1,000,000	$1,000,000	$1,100,000	$1,200,000
Total Sales Revenue	$3,200,000	3,000,000	$2,820,000	$2,700,000
Less: Cost of Goods Sold	$1,600,000	$1,550,000	$1,400,000	$1,300,000
Gross Profit	$1,600,000	$1,450,000	$1,420,000	$1,400,000
Less: Operating Expenses	$800,000	$810,000	$812,000	$805,000
Depreciation Expenses	$42,500	$44,500	$45,500	$42,500
Earning before Interest and Taxes	$757,500	$595,500	$562,500	$552,500
Less: Interest Expense	$110,000	$110,000	$150,000	$150,000
Earnings before Income Tax	$647,500	$485,500	412,500	$402,500
Less: Income Tax	$300,000	$194,200	$165,000	$161,000
Net Income	$347,500	$291,300	$247,500	$241,500

THE CASH FLOW STATEMENT	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
The *cash flow statement*, the last of three essential financial statements, is also the least used and understood. The statement details the reasons why the amount of cash (and cash equivalents) changed during the accounting period. More specifically, it reflects all changes in cash as affected by operating activities, investments, and financing activities. Like the bank statement you receive for your checking account, the cash flow statement tells how much cash was on hand at the beginning of the period, and how much was on hand at the end. It then describes how the company acquired and spent cash in a particular period. The uses of cash are recorded as negative figures, and sources of cash are recorded as positive figures.	*Báo cáo lưu chuyển tiền tệ*, văn bản cuối cùng trong ba loại văn bản quan trọng trong báo cáo tài chính, là văn bản tối thiểu mà nhà quản lý cần phải sử dụng và hiểu rõ. Báo cáo nêu chi tiết các lý do tại sao lượng tiền (và những khỏan tương đương tiền) thay đổi trong kỳ kế tóan. Đặc biệt hơn, báo cáo này phản ánh tất cả các thay đổi về tiền tệ theo 3 họat động: kinh doanh, đầu tư và tài chính. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho bạn biết bạn có bao nhiêu vào đầu kỳ và còn lại bao nhiêu vào cuối kỳ. Kế tiếp, nó mô tả công ty đã thu và chi bao nhiêu tiền trong một khỏang thời gian cụ thể. Việc sử dụng tiền được ghi thành số âm, và nguồn tiền được ghi thành số dương
If you're a manager in a large corporation, changes in the company's cash flow won't typically have an impact on your day-to-day functioning. Nevertheless, it's a good idea to stay up to date with your company's cash flow projections, because they may come into play when you prepare your budget for the upcoming year. For example, if cash is tight, you will probably	Nếu bạn là nhà quản lý một công ty lớn, những thay đổi về dòng tiền của công ty sẽ không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động hàng ngày của bạn. Tuy nhiên, bạn cũng nên cập nhật các dự báo lưu chuyển tiền tệ, vì chúng có thể giúp ích khi bạn dự thảo ngân sách cho năm tiếp theo. Ví dụ, nếu công ty bạn không có nhiều tiền, bạn có thể cần chi tiêu tiết kiệm hơn. Ngược lại, nếu

want to be conservative in your spending. Alternatively, if the company is flush with cash, you may have opportunities to make new investments. If you're a manager in a small company or its owner, you're probably keenly aware of your cash flow situation and feel its impact almost every day	nguồn tiền của công ty dồi dào, bạn sẽ có cơ hội thực hiện nhiều dự án đầu tư mới. Nếu bạn là nhà quản lý hay chủ sở hữu của một công ty nhỏ, bạn có thể luôn quan tâm đến tình hình lưu chuyển tiền tệ và cảm nhận tác động của nó đối với các hoạt động hàng ngày
The cash flow statement is useful because it indicates whether your company is turning accounts receivable into cash – and that ability is ultimately what will keep your company solvent. Solvency is the ability to pay bills as they come due	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ rất hữu ích vì nó cho biết liệu công ty bạn có khả năng chuyển các khoản phải thu thành tiền không – và về cơ bản, khả năng đó tạo điều kiện cho công ty bạn thanh tóan các khoản nợ. Khả năng thanh tóan nợ là khả năng trả các hóa đơn khi đến hạn
As we did with the other statements, we can conceptualize the cash flow statement in terms of a simple equation:	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được mô tả bằng biểu thức đơn giản sau:
Cash Flow from Profit + Other Sources of Cash – Uses of Cash = Change in Cash	Dòng tiền từ lợi nhuận + Các nguồn tiền khác – Tiền sử dụng = Thay đổi tiền
Again using the Amalgamated Hat Rack example, we see that in its year 2002 cash flow statement, the company generated a positive cash flow of $377,900 (table 1-4). The statement shows that cash flows from operations ($283,900), plus those from investing activities ($92,000), and from financing ($2,000) produced $377,000 in additional cash	Trở lại ví dụ của Công ty Amalgamated, ta thấy trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2002, công ty có dòng tiền dương là 377.900 USD (bảng 1-4). Báo cáo này cho thấy các dòng tiền từ hoạt động kinh doanh (283.900 USD), cộng với các khoản thu được từ hoạt động đầu tư (92.000 USD), và từ tài trợ (2.000 USD) mang lại 377.900 USD tiền mặt
The cash flow statement doesn't measure the same thing as the income statement. If there is no cash transaction, then it cannot be reflected on a cash flow statement. Notice, however, that net income at the top of the cash flow statement is the same as the bottom line of the income statement – it's the company's profit. Through a series of adjustments, the cash flow statement translates this net income into a cash basis	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ không thực hiện những phép tính như báo cáo thu nhập. Nếu không có giao dịch bằng tiền, thì họat động giao dịch đó sẽ không được phản ánh trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng thu nhập thuần ở mục đầu tiên của báo cáo lưu chuyển tiền tệ giống với dòng cuối của báo cáo thu nhập – đó chính là lợi nhuận của công ty. Qua hàng lọat điều chỉnh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ diễn giải thu nhập thuần thành cơ sở tiền mặt

The statement's format reflects the three categories of activities that affect cash. Cash can be increased or decreased because of (1) operations, (2) the acquisition or sale of assets, that is, investments, or (3) changes in debt or stock or other financing activities. Let's consider each in turn, starting with operations: • Accounts receivable, and finished-goods inventory represent items the company has produced, but for which it hasn't received payment. Prepaid expenses represent items the company has paid for but has not consumed. These items are all subtracted from cash flow • Accounts payable and accrued expenses represent items the company has already received or used, but for which it hasn't yet paid. Consequently, these items add to cash flow	Định dạng của báo cáo này phản ánh ba loại hoạt động ảnh hưởng 9ến tiền tệ. Tiền tệ có thể tăng hoặc giảm vì: (1) hoạt động kinh doanh, (2) mua hoặc bán tài sản, hay còn gọi là đầu tư, hoặc (3) thay đổi các khỏan nợ, nhập kho hoặc các hoạt động tài chính khác. Chúng ta hãy lần lượt xem xét từng lọai, bắt đầu bằng hoạt động kinh doanh: • Các khỏan phải thu và hàng tồn kho thành phẩm tượng trưng cho các hạng mục mà công ty đã sản xuấ nhưng chưa được thanh tóan. Các chi phí trả trước thể hiện các mục công ty đã thanh tóan nhưng chưa tiêu thụ. Những mục này đều được lọai trừ khỏi dòng tiền • Các khỏan phải trả và chi phí cộng dồn thể hiện các mục mà công ty đã nhận hoặc sử dụng nhưng chưa thanh tóan. Do đó, những mục này được cộng vào dòng tiền
Now, consider investments. Investment activities include the following: • Gains realized from the sale of plant, property, and equipment • Cash that the company uses to invest in financial instruments and plant, property, and equipment (such investments in plant, property, and equipment are often shown as capital expenditures)	Bây giờ hãy xem đến phần đầu tư. Các hoạt động đầu tư bao gồm: • Các khỏan thu được từ việc bán nhà xưởng, bất động sản và trang thiết bị. Nói cách khác, đó là những khỏan thu được từ việc chuyển các mục đầu tư thành tiền • Tiền công ty dùng để đầu tư vào các công cụ tài chính, nhà xưởng, bất động sản và trang thiết bị (những khỏan đầu tư vào nhà xưởng, bất động sản và trang thiết bị như vậy thường được ghi trong mục vốn đầu tư)
The cash flow statement shows that Amalgamated has sold a building for \$267,000 and made capital expenditures of \$175,000 for a net addition to cash flow of \$92,000	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho thấy Amalgamated đã bán một tòa nhà lấy 267.000 USD vơi chi phí vốn 175.000 USD, nên dòng tiền thu được từ hoạt động đầu tư của công ty là 92.000 USD
Finally, we come to cash flow changes	Cuối cùng, chúng ta xem những thay đổi về

from financing activities. Amalgamated has raised money by increasing its short-term debt, by borrowing in the capital markets, and by issuing capital stock, thereby increasing its available cash flow. The dividends that Amalgamated pays, however ($187,000), must be paid out of cash flow and thus represent a decrease in cash flow	dòng tiền từ các hoạt động tài chính. Công ty Amalgamated đã nâng số tiền bằng cách tăng nợ ngắn hạn, vay vốn, và phát hành vốn chủ sở hữu; bằng cách đó tăng được dòng tiền sẵn có. Tuy nhiên, khoản cổ tức mà công ty Amalgamated phải trả (187.000 USD), phải được thanh tóan ngòai dòng tiền và vì thế thể hiện sự tụt giảm trong dòng tiền

Table 1-4 Amalgamated Hat Rack Cash Flow Statement, 2002

Net Income	$347,500
Operating Assets and Liabilities	
Accounts receivable	$(75,600)
Finished-goods inventory	$(125,000)
Prepaid expenses	$(37,000)
Accounts payable	$83,000
Accrued expenses	$25,000
Income tax payable	$(23,000)
Depreciation expense	$89,000
Total changes in operating assets and liabilities	$(63,600)
Cash flow from operations	$283,900
Investing Activities	
Sale of property, plant, and equipment	$267,000
Capital expenditures	$(175,000)
Cash flow from investing activities	$92,000
Financing Activities	
Short-term debt increase	$27,000
Long-term borrowing	$112,000
Capital stock	$50,000
Cash dividends to stockholders	$(187,000)
Cash flow from financing activities	$2,000
Increase in cash during year	$377,900

WHERE TO FIND IT As mentioned earlier, all firms that trade their shares in U.S. public financial markets are required by the Securities and Exchange Commission (SEC) to prepare and distribute their financial statements in an annual report to shareholders. Most annual reports ho beyond the basic disclosure requirement of the SEC, providing discussion of the year's operations and the future outlook. Most public companies also issue quarterly reports	

If you are looking for even more material on your company – or on one of your competitors – obtain a copy of the company's annual Form 10-K. The 10-K often contains abundant and revealing information about a company's strategy, its view of the market and its customers, its products, its important risks and business challenges, and so forth. You can obtain 10-K reports and annual and quarterly reports directly from a company's investor relations department, or online at http://www.sec.gov/edgar/searchgar/formpick.htm.	
Cash flow versus profit Many people think of profits as cash flow. Don't make this mistake. For a particular period, profit may or may not contribute positively to cash flow. For example, if this year's profit derives from a huge sale made in November, the sale may be booked as revenues in the fiscal period – thus adding to profit. But if payment for that sale is not received until the next accounting period, it goes on the books as an account receivable, which reduces cash flow.	**Dòng tiền so với so với lợi nhuận** Nhiều người có quan niệm nhầm lẫn rằng lợi nhuận dòng tiền. Tại một thời điểm cụ thể, lợi nhuận có thể đóng góp tích cực cho dòng tiền, nhưng cũng có thể không. Ví dụ, nếu lợi nhuận của năm nay đạt được là nhờ vào việc kinh doanh phát đạt trong tháng Mười Một, mức doanh thu này sẽ được ghi nhận là lợi nhuận trong thời kỳ tài chính – do vậy cộng thêm vào lợi nhuận. Nhưng nếu sản phẩm bán ra chưa được thanh toán cho đến kỳ kế tóan tiếp theo, nó sẽ được ghi vào khỏan phải thu, làm giảm dòng tiền
SUMMING UP This chapter has introduced and explained the balance sheet, income statement, and cash flow statement. These statements offer three perspectives on your company's financial performance. They tell three different but related stories about how well your company is doing financially: • The balance sheet shows a company's financial position at a specific point in time. That is, it gives a snapshot of the company's financial situation – its assets, equity, and liabilities – on a given day • The income statement shows the	TÓM TẮT Chương này giới thiệu và giải thích rõ về ba loại báo cáo tài chính chủ yếu mà nhà quản lý nên nắm vững, bao gồm: bảng cân đối kế tóan, báo cáo thu nhập và báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Những báo cáo này phản ánh rõ nét tình hình tài chính của một công ty. Mặc dù được trình bày riêng biệt nhưng những bảng báo cáo tài chính lại có mối liên hệ chặt chẽ với nhau • Bảng cân đối kế tóan phản ánh tình hình tài chính tổng quát của một công ty tại một thời điểm nhất định, gồm có tài sản, vốn chủ sở hữu và nợ phải trả • Báo cáo thu nhập nêu rõ lợi nhuận: thể hiện các khỏan lời lỗ của công

bottom line: It indicates how much profit or loss was generated over a period – a month, a quarter, or a year • The cash flow statement tells where the company's cash came from and where it went – in other words, the flow of cash in, through, and out of the company	ty trong một khỏang thời gian – một tháng, một qúy hoặc một năm • Báo cáo lưu chuyển tiền tệ thể hiện các nguồn thu chi tiền của công ty, nói cách khác là dòng tiền đi vào và đi ra của công ty
Here is another way to look at the interrelationships between these statements: The income statement tells you whether your company is making a profit. The balance sheet tells you how efficiently a company is utilizing its assets and managing its liabilities in pursuit of profits. The cash flow statement tells you how cash has been increased or decreased through operations, the acquisition or sale of assets, and financing activities	Một cách khác để nhìn vào mối tương quan giữa những báo cáo này: Báo cáo thu nhập cho bạn biết liệu công ty bạn có tạo ra lợi nhuận hay không. Bảng cân đối kế tóan cho thấy tính hiệu quả của một công ty trong quá trình sử dụng tài sản và quản lý nợ phải trả khi theo đuổi lợi nhuận. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giúp bạn biết cách tăng hoặc giảm lượng tiền thông qua các hoạt động của công ty, mua hoặc bán tài sản, và các hoạt động tài chính
Together, these financial statements can help you understand what is going on in your company or any other business. Chapter 2 will show you how you can gain even more business insights through various forms of analysis	